

Số: 15/BC-THND

Máy Chai, ngày 26 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU**

2. Địa chỉ trụ sở và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục

- Địa chỉ: số 270 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Email: th-nguyenduong@ngoquyen.edu.vn

- Website: <https://thnguyenduongngoquyen.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

- Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, có kỷ cương, thân thiện giúp các em học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình với một khả năng ứng xử văn hóa, giáo dục hiện đại với những cách thức giao tiếp lịch sự, văn minh, tiếp thu nhanh chóng kiến thức mới mẻ, góp phần vào việc nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục quốc gia Việt Nam.

4.2. Tầm nhìn

- Trường Tiểu học Nguyễn Du hướng đến một trường học thân thiện với chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu, luôn đổi mới, phát triển nhà trường theo hướng trường học hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục và hội nhập quốc tế được phụ huynh học sinh và học sinh tin cậy.

- Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, chăm sóc để phát huy phẩm chất riêng, biết sáng tạo, có năng lực tư duy cho mỗi học sinh.

- Giữ vững phát huy là một trong những trường có nề nếp, có chất lượng tốt và ổn định. Chất lượng giáo dục đạt mức độ 3 cấp thành phố, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Trường là đơn vị trong top 5 trường tiểu học của Quận mà giáo viên và học sinh sẽ lựa chọn để dạy và học.

4.3. Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

- Huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường. Hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và khu vực.



- Giữ vững chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Nguyễn Du tiền thân là trường Cửa Cấm với nhiều khu lều nằm rải rác trên địa bàn phường Máy Chai. Năm 1985, Trường được xây dựng trên khu đất 270 Lê Lai, với tổng diện tích 4,558m², tên là Trường cấp 1 + II Nguyễn Du. Năm 1993, Trường cấp I + II Nguyễn Du và trường cấp 1 + II Lạc Viên sáp nhập và tách ra thành 2 trường Tiểu học Nguyễn Du và trường THCS Lạc Viên. Năm 2014, trường Tiểu học Nguyễn Du đã được UBND Quận Ngô Quyền phê duyệt xây mới theo quy hoạch tổng thể. Từ năm 2015 đến nay, Trường Tiểu học Nguyễn Du liên tục được đầu tư bài bản về cơ sở hạ tầng. Trải qua 7 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã được xây mới hoàn toàn 01 nhà đa năng, 01 khu hiệu bộ và 03 khu nhà lớp học 3 tầng khang trang. Đến năm 2022, trường có 40 phòng học mới và 01 bếp ăn bán trú và khu chế biến với diện tích 120m², đáp ứng được 100% học sinh học 2 buổi/ngày và ăn bán trú theo nguyện vọng.

Khuôn viên thoáng mát, trang trí thân thiện cùng các dãy hành lang rộng, giúp học sinh vui chơi an toàn và lành mạnh. Phòng học diện tích 60m² xây dựng theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ 2, được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học hiện đại, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập. Nhà đa năng với tổng diện tích sử dụng hơn 400m² và hệ thống dụng cụ chuyên nghiệp, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tập luyện và thi đấu thể dục thể thao của học sinh. Đội ngũ giáo viên năng động, sáng tạo, được đào tạo đạt chuẩn theo quy định.

Gần 40 năm miệt mài tạo dựng, xứng danh hai tiếng "Nguyễn Du", Trường luôn trong top đầu về chất lượng học sinh, tạo điểm sáng cho ngành giáo dục địa phương. Trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2022.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Vũ Thị Phương
- Chức vụ: Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: 270 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại: 0913017039
- Email: phuongvuthp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1 Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục:

- Quyết định thành lập trường số 482/QĐ-UB ngày 15 tháng 08 năm 1992 của Ủy ban nhân dân Quận Ngô Quyền
- Quyết định tách trường số 482/QĐ-UB ngày 15 tháng 08 năm 1992 của Ủy ban nhân dân Quận Ngô Quyền.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định 2937/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 về việc kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2025.

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Cơ sở giáo dục

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng:

+ Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

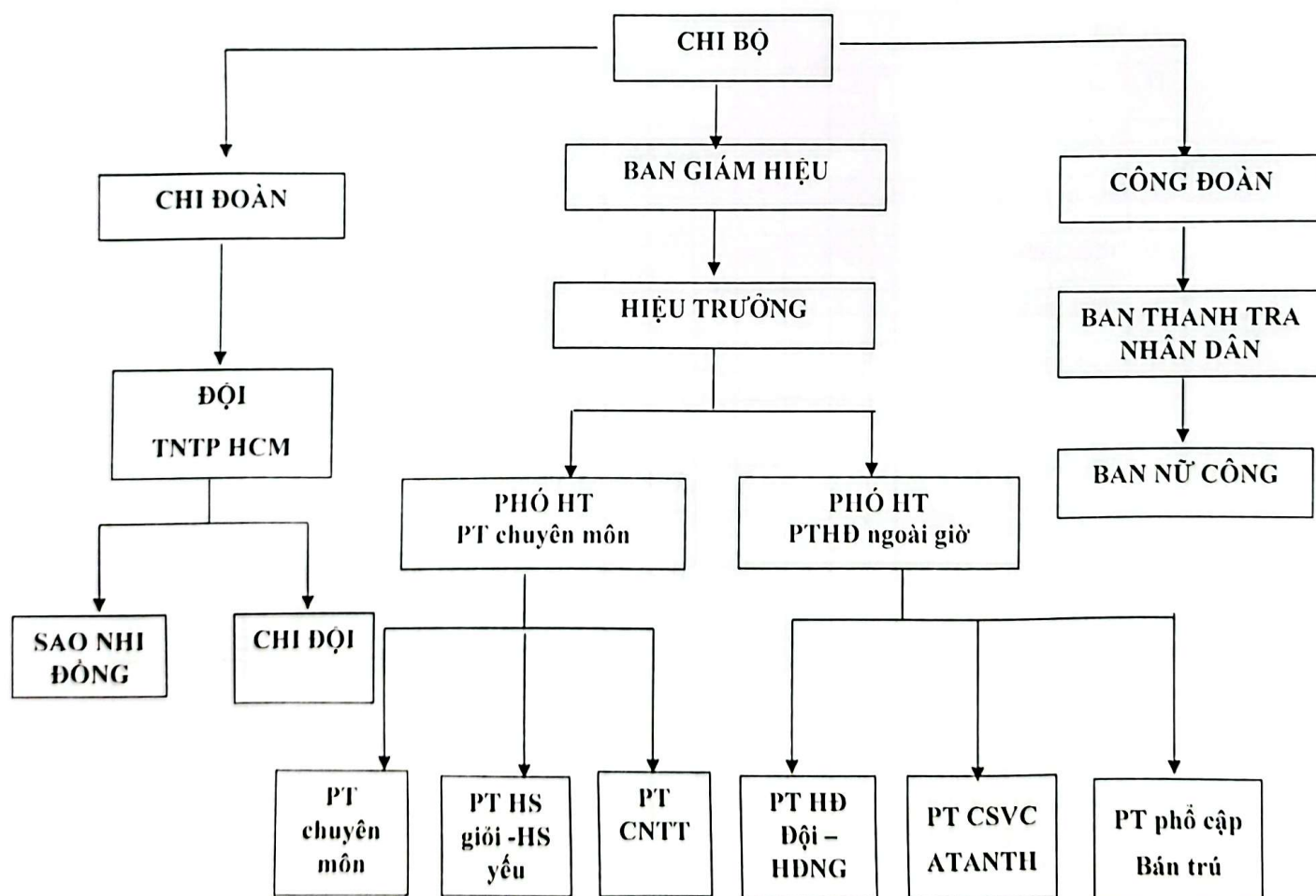
- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Phó hiệu trưởng:

+ Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 28/08/2013 về việc điều động và bổ nhiệm chức danh viên chức lãnh đạo đơn vị sự nghiệp Nhà nước.

+ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 về việc bổ nhiệm có thời hạn chức danh viên chức lãnh đạo đơn vị sự nghiệp Nhà nước.

7.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÀ TRƯỜNG



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	55		7	47		1		1	23	31	51	2		
I	Giáo viên	50		4	46					22	28	48	2		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	7			7					2	5	5	2		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3						3	2	1		
3	Tin học														
4	Âm nhạc	2			2					1	1	1	1		
5	Mỹ thuật	2			2					1	1	2			
6	Thể dục														
II	Cán bộ quản lý	3		3							3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2							2	2			
III	Nhân viên	2													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	37/33	1,5 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	37	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4558	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2486	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2220	
2	Diện tích thư viện (m ²)	140	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	240	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	60	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	60	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	120	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	52	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	14	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	52	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1/1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	37	
1.1	Khối lớp 1	7	
1.2	Khối lớp 2	7	
1.3	Khối lớp 3	8	
1.4	Khối lớp 4	8	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1.5	Khối lớp 5	7	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	84	0.06 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	42	1 thiết bị/ lớp
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể/LCD	0	
5	Thiết bị khác: máy tính, máy soi	33	1 thiết bị/ lớp
6	Số máy photocopy	1	
7	Số máy scanner	1	
8	Số máy in	7	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	137
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	15		9/9		0,19
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 năm 2022.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1290	234	219	257	305	275
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1290	234	219	257	305	275
III	Số học sinh bán trú						
IV	Số học sinh khuyết tật	26	5	4	11	5	1

2. Cam kết chất lượng giáo dục

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp					GHI CHÚ
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
I	Điều kiện tuyển sinh	234	219	257	305	275	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình giảng dạy hiện hành của Bộ GD, chương trình phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3.					
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Nhà trường quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cho học sinh, tập trung vào việc truyền thụ kiến thức, xây dựng lối sống, tạo môi trường tốt nhất cho việc sinh hoạt của học sinh. Xây dựng môi trường thân thiện.</p> <p>- PHHS quan tâm và quản lý con em trong thời gian sinh hoạt tại nhà, luôn đôn đốc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh, kết hợp cùng nhà trường giáo dục đạo đức cho học sinh.</p>					
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất cho học sinh tham gia học tập. Xây dựng các phòng chức năng như : Tin học, Thư viện, phòng đọc sách..... Tạo điều kiện tốt nhất để học sinh tiếp cận với kiến thức của nhân loại. Toàn trường thực hiện kết nối Internet.					
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>Xây dựng môi trường thân thiện với học sinh, tạo cho học sinh vui thích đến trường. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt ngoại khoá, sân chơi bổ ích cho học sinh.</p> <p>Nơi ăn, ngủ của học sinh thoáng mát sạch sẽ. An toàn trường học và an toàn thực phẩm.</p>					
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	<p>Đội ngũ quản lý được học tập phương pháp quản lý giáo dục, trình độ chuyên môn Đại học.</p> <p>Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm đào tạo chính qui đúng chuẩn Đại học và trên chuẩn : 100%</p>					
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>99% trở lên HS được đánh giá Đạt về Năng lực và Phẩm chất.</p> <p>99% trở lên HS được đánh giá Hoàn thành các môn học và hoạt động giáo dục.</p> <p>100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.</p> <p>100% học sinh đủ sức khỏe để học tập</p>					
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đảm bảo kiến thức cơ bản đúng chuẩn và kĩ năng sống cho học sinh để học sinh tiếp tục học tập lớp cao hơn.					

3. Thông tin chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1290	234	219	257	305	275
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1290	234	219	257	305	275
III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập	26	5	4	11	5	1
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành xuất sắc	912	188	173	183	206	162
	(tỷ lệ so với tổng số)	70,7%	80,3%	79%	71,2%	67,5%	58,9%
2	Hoàn thành tốt	169	20	1	15	20	113
	(tỷ lệ so với tổng số)	13,1%	8,5%	0,5%	5,8%	6,5%	4,1%
3	Hoàn thành	208	25	45	59	79	
	(tỷ lệ so với tổng số)	16,1%	10,6%	20,5%	23%	25,9%	0%
4	Chưa hoàn thành	1	1	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,08%	0,4%	0%	0%	0%	0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học	1289	233	219	257	305	275
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,92%	99,57%	100%	100%	100%	100%
a	HS được khen thưởng cấp trường	807	208	174	198	227	271
	(tỷ lệ so với tổng số)	62,5%	88,9%	79,4%	77%	74,4%	98,5%
b	HS được cấp trên khen thưởng	15	0	2	5	8	13
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,16%	0%	0,91%	1,95%	2,62%	4,73%
2	Số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học	1	1	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,08%	0,4%	0%	0%	0%	0%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

T	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	19.110.930.09 3	27.674.132.94 1
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	13.019.075.09 3	24.144.007.94 1
II	Thu giáo dục và đào tạo	6.091.855.000	3.530.125.000
1	Học phí, lệ phí từ người học	0	0

2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	6.091.855.000	3.530.125.000
III	Thu khoa học và công nghệ	0	0
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	0	0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	0
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	18.717.277.696	27.130.720.263
I	Chi lương, thu nhập	12.538.673.134	7.912.307.352
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	12.538.673.134	7.912.307.352
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	0	0
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	6.149.804.562	19.198.912.911
1	Chi cho đào tạo	0	0
2	Chi cho nghiên cứu	0	0
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0	0
4	Chi phí chung và chi khác	6.149.804.562	19.198.912.911
III	Chi hỗ trợ người học	28.800.000	19.500.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	28.800.000	19.500.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0	0
3	Chi hoạt động khác	0	0
IV	Chi khác	0	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	393.652.397	543.412.678

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Các cuộc vận động và phong trào thi đua

- Chi bộ nhà trường đã được nhận giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2023-2024 của Đảng bộ phường Máy Chai.

- 100% CNGV đã tham gia cuộc thi chính luận về ”Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái”, thù địch trong tình hình mới; có nhóm tác giả đã được nhận giấy khen của ban chỉ đạo 35 Quận ủy Ngô Quyền.

- Các phong trào thi đua đã được các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, đoàn đội tổ chức phát động và triển khai hiệu quả : Phong trào "Mỗi thầy cô giáo

là một tấm gương sáng về học tập và lao động sáng tạo"; "Thiếu niên Việt Nam thi đua thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy",

2. Công tác phổ cập giáo dục: Duy trì chất lượng giáo dục phổ cập giáo dục đúng độ tuổi, duy trì sĩ số. Được công nhận phổ cập giáo dục đúng độ tuổi mức độ 3.

3. Chất lượng giáo dục học sinh

3.1. Chất lượng giáo dục học sinh đại trà

a. Lớp 1+2+3+4: Đánh giá theo TT27/2020:

Khối	Sĩ số	HT xuất sắc	HT tốt	Hoàn thành	Chưa H thành
1	232	186 (80,2%)	20 (8,6%)	24 (10,3%)	2 (0,9%)
2	219	173 (79,1 %)	01(0,4 %)	44 (20,1%)	1 (0,4%)
3	257	185 (72%)	19 (7,4%)	53 (20,6%)	0 (0%)
4	305	206 (67,5%)	21 (6,9 %)	78 (25,6%)	0 (0%)
Tổng: 1013		750 (74%)	61 (6%)	199 (19,6%)	3 (0,4%)

b. Lớp 5: Đánh giá theo TT22/2016:

Khối	Sĩ số	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
5	275	275 (100%)	0 (0%)
Tổng:	275	275 (100%)	0 (0%)

3.2. Khen thưởng:

a. Lớp 1+2+3+4: Đánh giá theo TT27/2020:

Khối	Sĩ số lớp	Học sinh Xuất sắc	Học sinh Tiêu biểu hoàn thành Tốt trong học tập và rèn luyện	Khen thưởng đột xuất	Giáo viên gửi thư khen
1	232	186	20	0	04
2	219	173	01	02	44
3	257	185	19	19	53
4	305	206	21	27	77
Tổng	1013	750 (74%)	61 (6%)	48 (4,7%)	178 (17,6%)

b. Lớp 5: Đánh giá theo TT22/2016:

Khối	Sĩ số lớp	Học sinh Hoàn thành Xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện	Học sinh có thành tích vượt trội	Khen thưởng đột xuất
5	275	162	112	33
Tổng	275	162 (58,9%)	112 (44,7%)	33 (12%)

3.3. Kết quả giao lưu học sinh giỏi, năng khiếu

Chất lượng giáo dục học sinh năng khiếu: **102** giải, trong đó:

- Giải học sinh năng khiếu do quận và thành phố triển khai (có tính thi đua):

24 giải :

+ Cấp quận: 15 giải;

+ Cấp thành phố: 7 giải;

+ Cấp quốc gia: 2 giải;

- Giải các cuộc thi giao lưu, hội nhập: 78 giải:

+ Cấp Quốc gia: 78 giải (Vàng, Bạc, Đồng).

4. Công tác bồi dưỡng đội ngũ

4.1. Bồi dưỡng về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức

- Bồi dưỡng đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW; Thực hiện hiệu quả nội dung các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp;

- Tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và GV chuẩn hóa về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy lớp 5 được bồi dưỡng để thực hiện CT GDPT 2018 năm học 2024-2025; Tích cực tham mưu để bổ sung kịp thời giáo viên dạy tin học và Ngoại ngữ. 100% cán bộ quản lý và giáo viên lớp 5 được bồi dưỡng để thực hiện CT GDPT 2018 theo quy định của BGD&ĐT.

4.2. Bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ

- Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học. Đẩy mạnh giáo dục stem và steam; tăng cường thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

- Tiếp tục thực hiện dạy học phương pháp “Bàn tay nặn bột” theo hướng dẫn tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH của Bộ GD&ĐT; dạy học Mĩ thuật theo hướng dẫn tại Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH của Bộ GD&ĐT.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học trong và ngoài nhà trường, thực hiện dạy học gắn kết giữa lý thuyết với thực hành. Thực hiện dạy học lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục pháp luật, an toàn giao thông, ...

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các khối, tổ trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu bài học.

- Triển khai đến 100% giáo viên các nội dung về Chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018. Giáo viên các khối, tổ chủ động nghiên cứu, tìm hiểu các bộ SGK Kết nối tri thức với cuộc sống và Cánh Diều: 02 buổi.

- Cùng với PGD&ĐT xây dựng KHGD, KHBD và KHCM, quy trình bài dạy(chung và từng dạng bài) theo từng bước (trường, cụm trường, ...) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 (tiếp cận CTGDPT 2018 theo CV3799/BGD).

- Giáo viên các khối, tổ đã thực hiện và tìm hiểu cách xây dựng các kế hoạch giáo dục, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn khối, tổ, quy trình bài dạy, Kế hoạch bài dạy theo chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018 sau khi PGD đã thống nhất.

- Nghiên cứu và thực hiện CV 2345/BGD trong xây dựng Kế hoạch Giáo dục Nhà trường và Kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD.

- Tiếp tục thực hiện CV 1315/BGD về sinh hoạt chuyên môn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn khối, tổ .

- Triển khai viết Sáng kiến năm học 2023-2024 đến 100% cán bộ, giáo viên. Toàn trường có 10 sáng kiến được công nhận cấp quận. 01 sáng kiến cấp thành phố.

4.3. Kết quả các cuộc thi, giao lưu của giáo viên

- Có 02 giáo viên đạt danh hiệu GVG môn chuyên biệt cấp quận. Trong đó, 01 đ/c đạt điểm cao và được nhận giấy khen là đ/c Vũ Thị Minh Tâm.

- 01 đ/c được nhận giấy Chứng nhận đã tham gia Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi quận Ngô Quyền năm 2024 .

- 05 đ/c được nhận giấy Chứng nhận của quận ủy Ngô Quyền, Ban Chỉ đạo 35 về việc Có thành tích trong cuộc thi Chính luận “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” năm 2024 cấp quận.

4.4. Phong trào nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến:

- Triển khai hoạt động đăng kí và viết sáng kiến đến 100% CBGV trong nhà trường ngay từ đầu năm học.

- Hoàn thành Hoạt động chấm và thẩm định SK cấp trường trong tháng 2/2024. Toàn trường có:

+ 27 Sáng kiến cấp trường với 51 tác giả. Trong đó 19 sáng kiến xếp loại A; 08 sáng kiến xếp loại B.

+ 10 Sáng kiến cấp quận với 16 tác giả. Trong đó 10/10 sáng kiến được công nhận theo QĐ số 775/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024.

- Có 02 đ/c công nhận sáng kiến cấp thành phố.

+ 01 Sáng kiến đăng kí cấp Thành phố với 02 tác giả đang chờ xét duyệt (đ/c Phạm Thị Bích Ngọc và Vũ Quỳnh Chi).

5. Công tác dạy 2 buổi/ngày; bán trú

5.1 Công tác bán trú

Cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng tốt yêu cầu của công tác bán trú. Đảm bảo vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm, thực phẩm cung cấp có nguồn gốc cụ thể. Thực hiện tốt nền nếp bán trú: HS ổn định trật tự và rèn luyện tốt việc giữ gìn vệ sinh trước và sau khi ăn. Thực hiện hoàn trả tiền thừa hàng tháng cho phụ huynh, không để phản ánh làm giảm uy tín của trường.

5.2. Công tác dạy 2 buổi/ ngày

Nhà trường tổ chức dạy 2 buổi/ ngày với 100% HS (34 lớp); Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng tốt cho công tác học 2 buổi/ ngày. Phòng học rộng rãi, thông thoáng, an toàn.

Bố trí đội ngũ CBGV phù hợp theo biên chế được giao, đảm bảo đáp ứng yêu cầu cho người học, nâng cao được hiệu quả dạy học buổi 2. Sắp xếp thời khóa biểu hợp lí, bố trí giáo viên dạy đủ tiết theo quy định.

Đổi mới và nâng cao chất lượng học 2 buổi/ngày: Xác định rõ mục đích yêu cầu của việc dạy học 2 buổi/ngày để xây dựng nội dung chương trình dạy học cho buổi 2 đảm bảo nâng cao được chất lượng giáo dục toàn diện.

6. Công tác Đội và phong trào thiếu nhi; hoạt động ngoài giờ lên lớp

- Tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục thiếu nhi về lịch sử, truyền thống cách mạng dân tộc, của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Đoàn thanh niên CSHCM, Đội TNTP Hồ Chí Minh.... Tổ chức 02 Hành trình “*Em yêu Tổ quốc Việt Nam*” đến các địa chỉ đỏ: Căng Máy Chai, Đền Liệt sỹ Ngô Quyền. Tuyên truyền, giáo dục về chủ quyền biển đảo bằng hình thức Sinh hoạt Chi đội, các hoạt động thăm hỏi động viên cán bộ chiến sỹ đang làm nhiệm vụ tại đơn vị 173, trung đoàn 240. Tổ chức thành công và được xếp loại Xuất sắc chuyên đề cấp Quận: Nghi thức Đội viên.

Thực hiện tốt công tác “*Trần Quốc Toản*”, uống nước nhớ nguồn, chăm sóc di tích lịch sử, tri ân người có công,... Lau dọn vệ sinh, dâng hương, dâng hoa khu di tích Lịch sử Căng Máy Chai nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Thăm gia đình chính sách, người có công trên địa bàn phường Máy Chai nhân

ngày 27/7/2023. Thực hiện hiệu quả chương trình *Tình nguyện mùa đông* với: 12 đàn gà khăn quàng đỏ; 12 suất học bổng; 7 chăn ấm (trị giá 12.900.000đ); 1500 cuốn vở oly mới; 50 áo khoác. Chương trình *"Túi gạo nghĩa tình"* được 2.000 kg; chương trình *"Tuổi trẻ Hải Phòng chung tay xây dựng nông thôn mới"* với kinh phí: 2.000.000đ

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo nghiên cứu khoa học; giờ ra chơi trải nghiệm sáng tạo; hoạt động rèn luyện kỹ năng thực hành xã hội cho đội viên, học sinh; các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo nghiên cứu khoa học; giờ ra chơi trải nghiệm sáng tạo. Tham gia Cuộc thi: *Vươn ra thế giới, vẽ tranh Nhảy Flasmob, Sơn ca, thi viết "Chia sẻ yêu thương".....*

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động, chương trình Tuyên truyền, giáo dục về chủ quyền biển đảo, công tác "Trần Quốc Toản", chương trình "Tình nguyện mùa đông", Chương trình "Túi gạo nghĩa tình", chương trình "Tuổi trẻ Hải Phòng chung tay xây dựng nông thôn mới". Chúng em được tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật như phòng chống các tệ nạn xã hội; giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản; phòng chống ma túy, HIV/AIDS; An toàn giao thông; các dịch bệnh theo mùa. Chúng em được rèn luyện kỹ năng phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, phòng, chống đuối nước, phòng, chống tai nạn thương tích.....

Kết nạp thêm được 299 bạn vào tổ chức Đội, Cấp 532 giấy chứng nhận chương trình rèn luyện đội viên, dự bị đội viên. - Triển khai hiệu quả, tổng kết, đánh giá, khen thưởng mô hình "Chi đội 3 tốt" và "Liên đội 3 tốt". - Tổ chức tuyên truyền về Luật Trẻ em và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trẻ em.

- Tham gia các cuộc thi đạt: Toàn trường có: 102 giải, trong đó: - Giải học sinh năng khiếu do quận và thành phố triển khai (có tính thi đua): 24 giải :

+ Cấp quận: 15 giải;

+ Cấp thành phố: 7 giải;

+ Cấp quốc gia: 2 giải;

- Giải các cuộc thi giao lưu, hội nhập: 78 giải (Vàng, Bạc, Đồng).

7. Công tác thanh, kiểm tra, đánh giá

7.1. Công tác kiểm tra chuyên môn nhà trường của PGD Ngô Quyền (ngày 16+17/1/2024):

a. Kết quả kiểm tra đối với GV trong kế hoạch:

- Đoàn kiểm tra PGD hoàn thiện hồ sơ các đ/c GV kiểm tra toàn diện năm học 2023-2024. Tổng số giáo viên 08. Dự tổng 16 tiết. Trong đó, Tốt: 15 tiết; Khá: 01 tiết.

b. Kết quả kiểm tra chuyên môn chung nhà trường:

- Đoàn kiểm tra PGD dự thêm 08 GV. Kết quả xếp loại: Tốt (07), Khá (01).

- Kết quả kiểm tra nội dung khác: Hồ sơ chuyên môn, Hồ sơ Lựa chọn SGK, Kế hoạch GDNT, công tác bồi dưỡng đội ngũ, bảng tổng hợp, công tác khảo thí, hồ sơ học sinh khuyết tật, công tác kiểm tra nội bộ giáo viên. Các nội dung được kiểm tra đều được triển khai bài bản, khoa học, đảm bảo quy định.

- Kết quả kiểm tra chuyên môn của PGD, nhà trường xếp thứ 5/12 trường trong toàn quận (theo Tổng hợp của PGD ngày 16/5/2024).

7.2. Kết quả kiểm tra nội bộ tại nhà trường:

a. Kết quả kiểm tra giáo viên:

- Số giáo viên được kiểm tra trong năm học:

+ Kiểm tra toàn diện: 08;

Tỷ lệ: 15,7%

+ Kiểm tra chuyên đề: 40;

Tỷ lệ: 78,4%

- Kết quả cụ thể:

STT	Khối	TSGV được KT	Kết quả							
			T	%	K	%	TB	%	Y	%
1	1	05/05	04	80	01	20	0	0	0	0
2	2	05/06	05	83,3	0	0	0	0	0	0
3	3	08/08	0	100	0	0	0	0	0	0
4	4	08/08	07	87,5	01	12,5	0	0	0	0
5	5	06/06	06	100	0	0	0	0	0	0
6	CB	07/07	06	85,7	01	14,3	0	0	0	0
Tổng		40/40	37		03		0	0	0	0

- 03 giáo viên không kiểm tra (5,9%): 01 GV chưa kiểm tra (GV Lê Thị Hường) do nghỉ ốm tai sản giữa năm học; 02 giáo viên nghỉ sinh con (Phạm Thu Trang, Phạm Thị Cúc).

b. Kết quả kiểm tra chuyên đề (Hồ sơ sổ sách GV):

+) Sổ báo giảng:

- HKI: Kiểm tra được 4 lượt, mỗi lượt 49 bộ.

- HKII: Kiểm tra được 5 lượt mỗi lượt 49 bộ. Trong đó, kết quả 2 đợt 100% xếp loại Tốt.

+) Kế hoạch dạy học:

- HKI: Kiểm tra được 02 lượt được 96 bộ.

- HKII: Kiểm tra được 02 lượt được 96 bộ.

Trong đó, kết quả 2 đợt 100% xếp loại Tốt.

+) Sổ chủ nhiệm:

- HKI: Kiểm tra được 1 lượt được 34 bộ.

- HKII: Kiểm tra được 1 lượt được 34 bộ.

Trong đó, kết quả 2 đợt 100% xếp loại Tốt.

+) Sổ dự giờ + SHCM:

- Toàn trường kiểm tra 2 đợt trong 2 HK. Trong đó, kết quả 2 đợt 100% xếp loại Tốt.

+) Kiểm tra việc nhập dữ liệu cơ sở ngành:

- HKI + HKII: Kiểm tra được 04 lượt được 48/48 giáo viên. 100% giáo viên nghiêm túc nhập đúng tiến độ và đảm bảo quy định.

** Có đạt 100% so với kế hoạch đầu năm đề ra.*

7.3. Tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư 22, 27

- Thực hiện nghiêm túc đổi mới đánh giá HS lớp 5 theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá HS tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT (gọi chung là Thông tư số 22). Đối với HS lớp 1+2+3+4 thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGD ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện tốt đánh giá thường xuyên, sử dụng hiệu quả đánh giá thường xuyên trong việc đánh giá định kỳ cuối học kì 1, cuối năm học 2023-2024.

- Thực hiện nghiêm túc thu chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, đảm bảo thực chất đúng quy định.

- Tổ chức nghiêm túc các đợt kiểm tra định kì theo Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 đối với lớp 1,2,3,4 và Chương trình GDPT 2006 đối với lớp 5. Phân công giáo viên không coi học sinh lớp mình dạy;

- Tổ chức rọc phách và giám sát chấm bài kiểm tra chung tại trường theo khối; Chia bài chéo lớp. Giáo viên không chấm bài của học sinh lớp mình dạy.

- Chỉ đạo chấm, đánh giá trung thực kết quả bài làm của học sinh; giáo viên sửa lỗi, nhận xét và cho điểm vào bài làm của học sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT.

- Thực hiện và quản lý tốt việc cập nhật, sử dụng Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử trên cơ sở dữ liệu ngành khi Sở GD&ĐT, PGD&ĐT quận Ngô Quyền triển khai thực hiện. BGH đã phân quyền cho từng đối tượng là giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy bộ môn ngay từ đầu năm học sau khi tập huấn cấp trường.

- Cập nhật 05 lần vào các thời điểm:
 - + Đầu năm học (cuối tháng 9): Cán bộ, giáo viên nhập các thông tin ban đầu của trường, lớp chủ nhiệm, lớp dạy bộ môn.
 - + Giữa học kì 1: Cập nhật các đánh giá của học sinh tính đến thời điểm từ đầu năm đến giữa học kì 1.
 - + Cuối học kì 1: Cập nhật toàn bộ các đánh giá của học sinh tính đến thời điểm từ giữa học kì 1 đến cuối học kì 1.
 - + Giữa học kì 2: Cập nhật các đánh giá của học sinh tính đến thời điểm từ cuối học kì 1 đến giữa học kì 2.
 - + Cuối năm học: Cập nhật toàn bộ các đánh giá của học sinh tính đến thời điểm từ giữa học kì 2 đến cuối năm học.

7.4. Kết quả kiểm tra hoạt động tổ chức Kiểm tra định kì cuối năm học 2023-2024 của Phòng GD&ĐT

- Tổ chức Kỳ Kiểm tra Định kì cuối năm học 2023-2024 một cách bài bản, đảm bảo tính pháp lý. Thực hiện nghiêm túc, chủ động.
- Ma trận và đề bài kiểm tra được xây dựng đầy đủ, đúng cấu trúc và tỉ lệ quy định, trình bày đẹp, thống nhất từ Khối 1 đến khối 4. Khối 5 học sinh làm đề chung cả quận.
- Hướng dẫn chấm và đáp án biểu điểm rõ ràng, chi tiết từng bước nhỏ.
- Chấm bài cẩn thận, đảm bảo đúng quy chế, yêu cầu.

8. Ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học và các hoạt động khác

- Chỉ đạo và thực hiện nhập các số liệu theo TT26 đối với Bảng tổng hợp kết quả giáo dục và Học bạ HS.
- Triển khai có hiệu quả việc thực hiện cập nhật các thông tin và kết quả đánh giá học sinh theo định kì trên phần mềm dữ liệu cơ sở ngành.
- BGH quản lý và kiểm tra đơn đốc tiến độ nhập dữ liệu của giáo viên theo định kỳ: đầu năm, giữa kì, cuối kì, sau mỗi đợt kiểm tra định kì (không chậm quá 2 tuần).
- Xây dựng kho dữ liệu điện tử của GV toàn trường và kho Bài giảng điện tử, bài giảng elearning (dự địa chỉ và bài học).
- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức Tin học cho GV toàn trường vào thời gian phù hợp: 02 buổi
- Đã ứng dụng CNTT, các phương tiện hiện đại như máy soi, chiếu trong giảng dạy.
- Phổ biến cách sử dụng các phần mềm soạn bài giảng điện tử e-Learning như Adobe Presenter, iSpring tới mọi giáo viên. Hướng dẫn GV khai thác kho bài giảng e-learning của Bộ GD&ĐT nhằm đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học.

- Tham gia các cuộc thi trên mạng như: Thi Toán quốc tế BBB, HKIMO, TIMO, Trạng Nguyên Tiếng Việt, ...

- 100% học sinh khối 3-4-5 được học tin học với thời lượng: khối 3 học 1 tiết/tuần; khối 4 và 5 học 2 tiết/tuần.

- Đội Tin học trẻ được tập huấn và duy trì đều đặn từ tháng 10/2022 với thời lượng 2 buổi/tuần. Toàn trường có 05 HS tham gia thi Tin học trẻ không chuyên cấp quận và đạt 01 giải Ba quận.

- Chỉ đạo đoàn viên tích cực viết và đẩy mạng, đưa tin lên trang web trường và quận, SGD trên sự giám sát, sửa chữa của BGH theo đúng tiêu chí thi đua của quận 2 bài viết/tuần đến nay đã đẩy được gần 100 tin. Trong đó có trên 50 tin đẩy trên trang Web quận.

- Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục có nội dung tin học để HS được tiếp cận, đáp ứng sở thích, nhu cầu, phát hiện và bồi dưỡng phát triển năng lực tin học, tư duy khoa học máy tính, hình thành và nuôi dưỡng đam mê khoa học, công nghệ cho HS.

- Sử dụng bộ SGK Tin học: **Hướng dẫn học Tin học 4,5** đối với học sinh lớp 4 và 5.

- Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-PGDĐT ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Ngô Quyền về triển khai Học bạ số cấp tiểu học, nhà trường đã triển khai hướng dẫn và thực hiện công tác Học bạ số đối với lớp 1,2,3,4 năm học 2023-2024 đảm bảo đúng quy định theo đúng Kế hoạch số 12/KH-THND về việc triển khai Học bạ số năm học 2023-2024 tại nhà trường.

9. Công tác xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, xây dựng trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục; công tác khảo thí :

Tổng kinh phí đầu tư cho CSVC năm học 2023-2024 hơn 2 tỷ đồng phục vụ sửa chữa nhà vệ sinh lớp học 3 tầng, mua sắm thiết bị phòng tin học, thay bảng trượt chống lóa cho 36 phòng học, mua sắm CSVC bán trú... trong đó nguồn ngân sách : **1.882.168.700 đồng**, các nguồn khác **457.629.400 đồng**

Trường đã được công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2 tháng 11/2022, kiểm định chất lượng cấp độ 3; trong năm nhà trường tự đánh giá rà soát lại các tiêu chí, tiêu chuẩn và có kế hoạch cải tiến phù hợp.

Công tác kiểm tra đánh giá tại các kì khảo sát tại trường đảm bảo đúng quy chế, an toàn, chất lượng.

10. Công tác y tế trường học

- Trường thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho CBGV-NV và học sinh. Thực hiện nghiêm túc các quy định phòng chống bệnh dịch bệnh đối với toàn thể CBGVNV và học sinh khi ở nhà và khi đến trường.

- Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường. Sau khi xử lý ban đầu các trường hợp cần thông báo cho cha mẹ học sinh biết để gia đình tiếp tục giải quyết và chuyển lên cơ sở y tế tuyến trên.

- Tổ chức thực hiện các chương trình bảo vệ, chăm sóc và giáo dục sức khỏe ngành y tế, giáo dục triển khai trong các trường học hàng năm.

- Tuyên truyền VSATTP, VSMT, phòng chống các bệnh tật học đường (cận thị, gù, vẹo cột sống...). Phòng chống bệnh chân - tay - miệng, phòng chống các bệnh mùa đông, sốt xuất huyết

- Quản lý học sinh, thực hiện thống kê, báo cáo về y tế học đường theo quy định của Bộ y tế, Bộ GD&ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Phượng